

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN THỊ THU HIỀN *

Tóm tắt: Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, có tính xuyên suốt trong toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Mọi chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng luôn dựa trên nguyên tắc cơ bản là “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển”. Với đường lối dân tộc đúng đắn và việc thực hiện chính sách dân tộc dựa trên nguyên tắc cơ bản Đảng đã phát huy được sức mạnh đoàn kết dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong bối cảnh mới hiện nay, việc thực hiện chiến lược dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc đang tiếp tục đặt ra cho Đảng những trọng trách mới trước nhu cầu phát triển của đất nước.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam, vấn đề dân tộc, đại đoàn kết dân tộc.

1. Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Dân tộc Việt Nam là một, đất nước Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi". Theo lời dạy của Người, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, quan tâm phát triển toàn diện và bền vững vùng dân tộc thiểu số.

Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp

cách mạng nước ta. Ngay từ khi Đảng ta ra đời đến nay, nhất là từ khi giành được chính quyền về tay nhân dân, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn thực hành trước sau như một chính sách bình đẳng dân tộc. Thực tiễn đã chứng minh, đại đoàn kết toàn dân tộc được xây dựng trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo là động lực chủ yếu để phát triển đất nước, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhờ có sức mạnh đại đoàn kết

(*) Thạc sĩ, Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các dân tộc trong cộng đồng đại gia đình các dân tộc Việt Nam từ chỗ bị áp bức, bóc lột dưới sự đô hộ của thực dân đế quốc đã trở thành những thành viên làm chủ đất nước Việt Nam độc lập thống nhất. Khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường mạnh mẽ. Ngày nay, tinh thần đại đoàn kết đang được tiếp tục phát huy cao độ, trở thành động lực của công cuộc đổi mới.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn luôn xác định đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng. Tầm quan trọng, vị trí của vấn đề dân tộc, trước hết xuất phát từ tầm quan trọng, vị trí của các dân tộc thiểu số - với tư cách là một bộ phận quan trọng hợp thành động lực cách mạng để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng đặt ra cho từng thời kỳ.

Hầu hết các kỳ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt các Văn kiện Đảng trong thời kỳ đổi mới đã đề cao, coi trọng vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc. Sau Đại hội Đảng lần thứ VI, trước những yêu cầu đòi hỏi của thực tế vùng dân tộc và miền núi, ngày 27 tháng 11 năm 1989, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 22-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi đã góp phần thúc đẩy phát triển một bước quan trọng kinh tế - xã

hội miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua đã nhấn mạnh: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”⁽¹⁾. Đây là lần đầu tiên, chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc đã được Đảng ta đưa vào trong Cương lĩnh của Đảng. Trên cơ sở các quan điểm cơ bản của Đảng về vấn đề dân tộc, Hiến pháp năm 1992, một lần nữa, khẳng định về quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở nước ta.

Những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, trước những biến đổi của tình hình thế giới, các thế lực thù địch ra sức lợi dụng những khó khăn và hạn chế của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta, nhất là đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên, để dụ dỗ, lôi kéo đồng bào, phá hoại khối đoàn kết dân tộc. Trong bối cảnh đó, vấn đề dân tộc càng được Đảng đặc biệt coi trọng. Nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, Hội nghị Trung ương lần thứ bảy Ban chấp hành

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 5.

Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc. Trên cơ sở đánh giá toàn diện vấn đề dân tộc và xuất phát từ yêu cầu của tình hình mới, Nghị quyết khẳng định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam”. Nghị Quyết cũng nhấn mạnh: “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị”⁽²⁾.

Như vậy, vấn đề dân tộc được Đảng ta xác định là *vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài* có tính xuyên suốt trong toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng nước ta, đồng thời xác định đây là *vấn đề cấp bách*. Những quan điểm được thể hiện trong Nghị quyết đã thể hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Tầm quan trọng, vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc được đặt trong mối quan hệ với việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong đoàn kết dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đoàn kết dân tộc được Đảng ta xác định là vấn đề có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển đất nước và là một

nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc. Đại hội Đảng lần thứ X đã khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽³⁾.

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta cho thấy, sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội là một đặc điểm lớn. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng việc đảm bảo sự phát triển bình đẳng của tất cả các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và coi đây là nhân tố quyết định cho sự phát triển bền vững. Bình đẳng giữa các dân tộc là bình đẳng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Bình đẳng còn thể hiện trong quyền phát triển, được đảm bảo và tạo mọi điều kiện để các dân tộc thực hiện và có cơ hội phát triển bình đẳng với các dân tộc khác. Bình đẳng là cơ sở để đoàn kết. Đoàn kết và tương trợ giúp đỡ nhau là điều kiện để thực hiện bình đẳng. Bài học của nhiều quốc gia trên

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, “Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc”, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (<http://dangcongsan.vn>).

⁽³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 116.

thế giới đã chỉ ra rằng, quan hệ giữa các dân tộc chỉ diễn ra trong hòa bình hữu nghị khi mà các dân tộc đó nhận thấy về quan hệ, về lợi ích của dân tộc mình với dân tộc khác là cân bằng, thỏa đáng, không có nguy cơ bị đe dọa từ phía dân tộc khác hay từ phía chính quyền nhà nước. Nếu ngược lại, thì quan hệ giữa các dân tộc sẽ chứa đựng những nguy cơ xung đột - nguy cơ hủy hoại quan hệ hữu nghị, hợp tác.

Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau được Đảng ta xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản để thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới. Trong các Văn kiện của Đảng, nguyên tắc tương trợ được bổ sung các thành tố tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng tiến bộ. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc”⁽⁴⁾.

Như vậy, xuyên suốt trong các Nghị quyết của Đảng là tư tưởng khẳng định sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc ở nước ta, chống mọi sự kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Vấn đề dân tộc là một vấn đề lớn, là một vấn đề có tính chiến lược của mỗi quốc gia. Việc giải quyết vấn đề dân tộc đòi hỏi phải có một chính sách đúng đắn dựa trên cơ sở nắm vững quy luật phát triển của thế giới và của mỗi dân tộc cũng như thực tiễn của vấn đề dân tộc với những đặc điểm cụ thể của nó. Tuy nhiên, những đặc điểm của vấn đề dân tộc trong những giai đoạn lại có sự khác nhau và cũng luôn biến động do những tác động của thế giới và của mỗi dân tộc. Do đó, việc giải quyết vấn đề dân tộc không thể tách rời với việc giải quyết vấn đề kinh tế, chính trị, tôn giáo trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể.

Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương và chính sách đúng đắn đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số với những nguyên tắc cơ bản là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển”. Để cụ thể hoá chủ trương trên, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 81.

nước Việt Nam luôn nhấn mạnh mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh" cho tất cả mọi người dân, mọi dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Để biến những mục tiêu này thành hiện thực và đạt Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, trong các năm 2001 và 2002, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng "Chương trình phát triển Thiên niên kỷ giảm nghèo ở Việt Nam: Thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng các dân tộc thiểu số", một chiến lược dành riêng cho cộng đồng các dân tộc thiểu số. Chiến lược này đặt ra một số mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực chính, gồm: giảm đói nghèo và tạo việc làm, giải quyết vấn đề định cư và quyền sử dụng đất, nâng cao chất lượng giáo dục, sức khỏe và trình độ quản lý.

Có thể nói, nhờ có đường lối đoàn kết dân tộc với nhiều chính sách cụ thể, phù hợp với các giai đoạn, mà trong những năm qua, các dân tộc thiểu số nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong thực hiện triển khai các chính sách và các chương trình lớn của Chính phủ đối với các vùng dân tộc thiểu số cũng còn tồn tại nhiều hạn chế và nảy sinh nhiều vấn đề có tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển của các dân tộc thiểu số trong thời gian qua.

Hiện nay, các vùng dân tộc thiểu số nước ta còn đứng trước rất nhiều khó khăn, thách thức. Nhiều vùng còn tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, một số bản sắc tốt

đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Đây cũng chính là những kẽ hở mà bọn phản động có thể lợi dụng, lôi kéo, gây chia rẽ dân tộc. Trước nhiều khó khăn, thách thức đặt ra đối với quá trình phát triển của đồng bào các dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều giải pháp kết hợp với cả những chính sách đồng bộ nhằm giúp đỡ, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức để hội nhập với sự phát triển chung của cả nước. Trong đó, có những giải pháp lớn đã và đang được tích cực triển khai như:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới; tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho mọi cán bộ, đảng viên và cho nhân dân. Phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Giải pháp trên được đưa ra nhằm khắc phục những hạn chế yếu kém trong việc triển khai thực hiện những chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Ở nhiều địa phương, nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có

chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém. ẽ nhiều nơi, một số đồng bào và cán bộ dân tộc thiểu số do nhận thức không đúng đắn về chính sách dân tộc của Đảng, nên còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, mà không chủ động, sáng tạo vươn lên. Do hạn chế về nhận thức, nên nhiều vụ vi phạm nguyên tắc công bằng, bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc vẫn diễn ra trên thực tế.

Để khắc phục những mặt còn hạn chế trên đây, việc chăm lo công tác thông tin tuyên truyền để đồng bào các dân tộc thiểu số nắm bắt được những thông tin bổ ích, thiết thực cho cuộc sống và lao động của họ là vô cùng cần thiết. Trong đó, cần kiên trì làm tốt công tác vận động tổ chức đồng bào dân tộc thiểu số tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát huy nội lực để phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho gia đình và cho cả cộng đồng; chủ động, tích cực xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho đồng bào các dân tộc thiểu số, làm thất bại âm mưu thâm độc của các tổ chức và cá nhân phản cách mạng trong và ngoài nước; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số, bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Hai là, tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội

vùng dân tộc và miền núi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới. Giải pháp này có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và của đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng. Để có sự ổn định chính trị ở các vùng dân tộc thiểu số, việc đảm bảo những nhu cầu của đời sống kinh tế ngày càng cao cho đồng bào là một giải pháp có ý nghĩa quyết định, trực tiếp, thiết thực nhất. Việc thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi sẽ tạo cơ sở cho việc huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi.

So với những năm 80 của thế kỷ XX, ngày nay vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã có nhiều thay đổi lớn, rõ rệt. Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở nhiều vùng đồng bào dân tộc có nhiều thay đổi tích cực. Kết cấu hạ tầng (tập trung là 10 nhóm công trình chính: giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường - lớp học, trạm y tế, thông tin, phủ sóng phát thanh - truyền hình, chợ, nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng) được Nhà nước đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh ở trên 5.000 xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo cộng đồng. Phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo trong vùng dân tộc thiểu số được đẩy mạnh. Đến nay, hơn 40 tỉnh có đông đồng bào dân

tộc thiểu số (trên 2 vạn người) đã cơ bản xóa hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ hơn 50% xuống dưới 30%, trong số này có hơn 20 tỉnh đã giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 20%. Mức sống và chất lượng dân số trong vùng dân tộc thiểu số ngày càng được nâng lên qua từng năm.

Tuy nhiên, một thực trạng dễ nhận thấy là, so với đồng bằng và vùng đã phát triển tương đối thì miền núi và vùng dân tộc thiểu số vẫn còn là vùng khó khăn nhất, khoảng cách còn khá xa, tỷ lệ đói nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi vẫn trong tình trạng chậm phát triển. Ở nhiều vùng dân tộc và miền núi tỷ lệ đói nghèo hiện còn cao so với bình quân chung của cả nước; sự phân hóa giàu nghèo, khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc ngày càng tăng; chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, chưa đáp ứng được mục tiêu nâng cao dân trí; việc đào tạo nghề chưa được quan tâm, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, hệ thống y tế còn nhiều bất cập. Ở một số nơi tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán của nhân dân; một số nơi đồng bào bị các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Những tồn tại trên đây xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chủ quan được Đảng ta đặc

biệt nhấn mạnh để tìm biện pháp khắc phục. Đó là nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Một số chính sách dân tộc chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Một số chính sách dân tộc chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng dân tộc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy tốt các nguồn lực của địa phương.

Do chưa nhận thức đúng đắn về chính sách dân tộc của Đảng, về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nên việc qui hoạch phát triển tổng thể các vùng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng núi cao còn chưa sát thực tế, thậm chí không phù hợp với các đặc điểm vùng và chưa tính tới phong tục tập quán, lối sống của người dân tại chỗ. Nhiều dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội còn nặng về phong trào, dàn trải, thiếu trọng điểm, hiệu quả thấp, phá vỡ môi trường sinh thái, thậm chí gây bất

bình trong đồng bào dân tộc tại chỗ.

Để mau chóng rút ngắn khoảng cách phát triển giữa miền núi và miền xuôi, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách đặc biệt đầu tư cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo cơ hội cho khu vực này vượt lên khó khăn thách thức, phát triển kinh tế - xã hội, hoà nhập vào xu thế phát triển chung của đất nước. Trong đó có nhiều chương trình, chính sách lớn như: Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005; Chương trình 135 về phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai từ năm 1998; Quyết định 134 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Quyết định được triển khai từ năm 2004 đến nay, với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và nguồn vốn đối ứng của địa phương, các địa phương đã tích cực chủ động triển khai hỗ trợ, tập trung quyết liệt vào việc hỗ trợ nhà ở và đất ở; Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 đã tạo cơ hội đột phá giúp người nghèo ổn định cuộc sống. Chính phủ cũng đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng cho chương trình xoá đói giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Đến nay đã có hơn 20 Chương trình mục tiêu quốc gia được

triển khai trên địa bàn dân tộc thiểu số, chiếm 44% tổng số vốn của các chương trình mục tiêu cả nước. Các chương trình được triển khai đã cho thấy những kết quả tích cực, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã được cải thiện một bước quan trọng.

Nhằm tiếp tục thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn mới, một trong những nhiệm vụ cơ bản và cấp bách được Đảng ta nêu ra, đó là: giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở Tây Nguyên, Tây Bắc và vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ; xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới; làm tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới; sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng; rà soát lại các chính sách để kịp thời bổ, sung sửa đổi cho sát với thực tiễn.

Ba là, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho các vùng dân tộc thiểu số ở tất cả các cấp học, ngành học. Dân trí vùng dân tộc thiểu số nhìn chung thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình của các tỉnh và so với cả nước. Nhiều vùng, nhất là miền núi và trung du rất khó khăn về điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, mới đáp ứng mức tối thiểu phục vụ dân sinh

bình thường, vẫn còn hàng chục xã vùng dân tộc thiểu số chưa có đường ô tô, chưa có điện... Kỹ năng, tập quán lao động sản xuất của đa số các dân tộc thiểu số còn lạc hậu. Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn yếu: trình độ của đội ngũ cán bộ còn thấp, công tác phát triển đảng chậm; cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, không sát dân, không tập hợp được đồng bào. Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển. Ở một số nơi tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán của nhân dân. Một số đồng bào bị các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Những khó khăn về đời sống kinh tế cùng với trình độ dân trí thấp của đồng bào các dân tộc thiểu số là những kẻ hở mà các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng để kích động, chia rẽ, lôi kéo nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị. Chính vì vậy, việc đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho các vùng dân tộc thiểu số được Đảng ta coi là nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Nhờ tích cực triển khai và thực hiện những nhiệm vụ về phát triển giáo dục đào tạo, trong những năm qua, nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể

trong việc nâng cao dân trí, phổ cập giáo dục. Năm 1995, nước ta đã cơ bản xóa xong mù chữ; năm 1997, cơ bản phổ cập giáo dục tiểu học. Năm 2012, chúng ta đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Việc đào tạo nguồn nhân lực ở các địa phương cũng có những chuyển biến tích cực. Những thành công bước đầu đó đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt các chủ chương và các chính sách dân tộc của đảng. Nhờ đó mà tình đoàn kết giữa các dân tộc luôn được củng cố và giữ vững.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. "Thực hiện tốt chính sách các dân tộc, bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển" là sức mạnh để đảm bảo sự phát triển bền vững, đạt tới mục tiêu chung là: Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội; Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Việc giải quyết vấn đề dân tộc và thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc đã và đang đặt ra cho Đảng và Nhà nước ta những trọng trách lịch sử trước nhu cầu phát triển của đất nước. Trong bối cảnh mới hiện nay, càng đòi hỏi cao hơn việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy tối đa sức mạnh nội lực, kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế nhằm đẩy lùi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, đưa đất nước ta vững bước đi lên trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới.

